|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**Số: /2025/QĐ-UBND |  |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Bình Phước, ngày tháng năm 2025* |

DỰ THẢO

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho các**

**hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

 *Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;*

 *Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ về Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;*

 *Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý;*

*Căn cứ Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung các danh mục sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 16/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-SNNMT ngày tháng năm 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** **Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

- Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho các hoạt động khuyến nông được áp dụng trong hoạt động khuyến nông, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho các hoạt động khuyến nông là cơ sở để lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

2. Đối tượng áp dụng

Định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho các hoạt động khuyến nông được áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 2. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Bỉnh Phước**

1. Lĩnh vực trồng trọt – Bảo vệ thực vật: 25 mô hình, bao gồm:

+ Nhóm mô hình cây lương thực: Cây lúa (2 mô hình)

+ Nhóm mô hình cây rau màu: Cải xanh, mồng tơi, rau dền, cà chua, dưa chuột, mướp đắng, đậu quả, bí xanh, đậu tương rau, măng tây, nấm....(10 mô hình)

+ Nhóm mô hình cây ăn quả: Nhãn, chôm chôm, bưởi, mít; cam, quýt; xoài, sầu riêng (7 mô hình)

+ Nhóm mô hình cây công nghiệp dài ngày: Cà phê, tiêu, điều, cao su (6 mô hình)

*(Chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này)*

2. Lĩnh vực Chăn nuôi – Thú y: 23 mô hình, bao gồm:

+ Nhóm mô hình chăn nuôi đại gia súc: Lợn, trâu, bò, dê, thỏ (9 mô hình)

+ Nhóm mô hình chăn nuôi gia cầm: Gà, vịt, ngan, chim bồ câu, chim cút (10 mô hình)

+ Nhóm mô hình khác: Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; Hỗ trợ chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt, ATTP, hữu cơ, OCOP; Trồng, chế biến và bảo quản thức ăn thô xanh; Định mức hỗ trợ thiết bị Công nghệ cao (4 mô hình)

*(Chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này)­­­*

3. Lĩnh Thủy sản: 39 mô hình, bao gồm: mô hình nuôi cá trắm đen, nuôi cá lóc bông, nuôi cá thát lát, nuôi cá bông tượng, nuôi cá rô đồng, nuôi cá rô phi, nuôi cá chim trắng, nuôi cá trê, nuôi cá tra/basa, nuôi ba ba, nuôi ếch, lươn, tôm....

*(Chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định này)­­­*

4. Lĩnh vực Thông tin tuyên truyền khuyến nông: 05 định mức, bao gồm:

+ Định mức sản xuất video clip, tọa đàm truyền hình

+ Định mức xuất bản ấn phẩm khuyến nông

+ Định mức vận hành trang website khuyến nông

+ Định mức tổ chức sự kiện khuyến nông

+ Định mức biển giới thiệu mô hình khuyến nông và hội thảo đầu bờ khuyến nông

*(Chi tiết tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Quyết định này)­­­*

5. Lĩnh vực Đào tạo huấn luyện khuyến nông: 03 định mức, bao gồm: Tập huấn khuyến nông; Khảo sát học tập trong nước; Học liệu khuyến nông.

*(Chi tiết tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định này)­­­*

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày........tháng.....năm 2025.

**Điều 4.** **Tổ chức thực hiện**

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan theo dõi, kiểm tra, thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố: Có trách nhiệm tổ chức thực hiện, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho các hoạt động khuyến nông theo đúng quy định. Đồng thời chỉ đạo, các cơ quan chuyên môn theo dõi việc áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn để tổng hợp, báo cáo đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế.

3. Các ông (bà) Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Văn phòng Chính phủ;- Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường; Tài chính; - Cục kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp; - TTTU, TT HĐND tỉnh; - UBMTTQVN tỉnh; - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh; - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh; - Như Điều 4;- Trung tâm phục vụ HCC (đăng công báo); - VP UBND, LĐVP, các phòng; - Lưu: VT, P.KT.  |  | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN****CHỦ TỊCH** |
|  |  |  |